

Số: 25A /TB-THĐL

Đoàn Lập, ngày 09 tháng 10 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 về công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-THĐL ngày 08/10/2024 của Trường tiểu học Đoàn Lập về việc công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2024-2025.

Trường Tiểu học Đoàn Lập thông báo về việc niêm yết công khai như sau:

**1. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai:** Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Thanh tra nhân dân, TKHĐ, Bảo vệ, Kế toán, Thủ quỹ.

**2. Địa điểm niêm yết:** Bảng tin công khai, Website <http://thdoanlap.haiphong.edu.vn>.

**3. Thời gian niêm yết:** Từ ngày 9 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 7 tháng 11 năm 2024.

**4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Từ ngày 9 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 7 tháng 11 năm 2024.

**5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hộp thư của nhà trường. (Địa chỉ: athdoanlap@gmail.com)

**6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** Chậm nhất là 17/11/2024

**Nơi nhận:**

- Bộ phận công khai;
- Phó HT, CTCD, các tổ;
- Lưu :VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Minh**

Số: 102/QĐ-THĐL

Đoàn Lập, ngày 08 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2024 -2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 về công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2024-2025;

(Kế hoạch thu, chi tài chính năm 2024 kèm theo)

**Điều 2.** Thời gian công khai: Từ ngày 9 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 7 tháng 11 năm 2024.

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, Kế toán, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Minh



**KẾ HOẠCH**  
**Thu, chi tài chính năm học 2024- 2025**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ các hướng dẫn của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài Chính: Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 Về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ các hướng dẫn, công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng: Hướng dẫn số 867/SGDĐT-CTHSSV ngày 16/10/2013 về thực hiện đồng phục học sinh trong các cơ sở trường học; Hướng dẫn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 về quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố; hướng dẫn số 783/HDSGDĐT-TTr ngày 19 tháng 9 năm 2013 về thực hiện Điều lệ Ban đại

diện cha mẹ học sinh, quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện; Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 Kế hoạch liên ngành giữa Huyện đoàn và Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về việc triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” trong trường học giai đoạn 2023-2027; Công văn số 290/CV-BHXH ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Bảo hiểm xã hội Tiên Lãng về việc hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025; Biên bản thỏa thuận các khoản thu giữa nhà trường và đại diện cha mẹ học sinh các lớp ngày 04/10/2024; Biên bản thỏa thuận các khoản thu giữa nhà trường và cha mẹ học sinh các lớp ngày 06/10/2024.

Căn cứ đặc điểm, tình hình nhà trường, trường tiểu học Đoàn Lập xây dựng kế hoạch thu - chi tài chính năm học 2024- 2025 như sau:

## II. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Tạo quyền tự chủ động cho thủ trưởng đơn vị trong việc quản lý và chi tiêu tài chính, gắn trách nhiệm của thủ trưởng và cán bộ, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo qui định hiện hành của nhà nước và theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về qui định quy chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp.

3. Thực hiện quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị theo qui định của các cấp quản lý.

## III. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRƯỜNG

### 1. Đội ngũ:

CBGV, CNV	TS	NỮ		ĐV	TRÌNH ĐỘ				BIÊN CHẾ	HĐ HUYỆN
		SL	Tỷ lệ (%)		ĐH	CĐ	TC	<TC		
<b>Tổng số</b>	35	33	94.3	24	31	2	1	1	34	1
<b>BGH</b>	2	2	100	2	2	0	0	0	2	0
<b>GV giảng dạy</b>	30	29	96.6	21	27	2	0	0	30	0
<b>TPT</b>	1	1	100	0	1	0	0	0	1	0
<b>Nhân viên</b>	2	2	100	1	1	0	1	0	2	0
<b>Phục vụ, BV</b>	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1

**2. Học sinh:**

CBGV, CNV	TS	NỮ		ĐV	TRÌNH ĐỘ				BIÊN CHẾ	HĐ HUYỆN
		SL	Tỷ lệ (%)		ĐH	CĐ	TC	<T C		
<b>Tổng số</b>	35	33	94.3	24	31	2	1	1	34	1
<b>BGH</b>	2	2	100	2	2	0	0	0	2	0
<b>GV giảng dạy</b>	30	29	96.6	21	27	2	0	0	30	0
<b>TPT</b>	1	1	100	0	1	0	0	0	1	0
<b>Nhân viên</b>	2	2	100	1	1	0	1	0	2	0
<b>Phục vụ, BV</b>	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1

**3. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm của Huyện, PGDĐT, của địa phương.
- Cha mẹ học sinh quan tâm đến công tác giáo dục.
- Đã trang bị được ti vi cho các lớp phục vụ dạy, học.
- Có đủ phòng học, phòng chức năng để tổ chức cho 100% HS học 2 buổi/ngày.

**4. Khó khăn**

- Thiếu giáo viên để dạy 2 buổi/ ngày theo quy định.
- Tỷ lệ học sinh diện hộ nghèo, cận nghèo, HS có hoàn cảnh khó khăn cao.
- Thiếu thiết bị dạy học lớp 2;3;4;5 theo Chương trình GDPT 2018. Một số trang thiết bị dạy học đã cũ cần thay thế, sửa chữa.
- Một số phòng học bộ môn, phòng chức năng, sân chơi, công trình phụ trợ xây dựng đã lâu cần được sửa chữa.

**IV. NHIỆM VỤ**

1. Thực hiện thu, chi các khoản từ học sinh theo đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn.
2. Thực hiện đúng Luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.
3. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm thu không dùng tiền mặt để thực hiện tốt công tác quản lý, minh bạch các khoản thu, đồng thời tạo điều kiện cho phụ huynh học sinh.

4. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ công tác chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ năm học.

5. Huy động xã hội hoá bổ sung trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

6. Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định.

## **V. KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC KHOẢN TỪ HỌC SINH**

### **1. Khoản thu bảo hiểm y tế:**

\* *Kế hoạch thu: Theo Công văn số 290/CV-BHXH ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Bảo hiểm xã hội Tiên Lãng về việc hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025. Nhà trường thực hiện thu như sau:*

- Đối tượng thu: Triển khai tới 100% học sinh trừ những học sinh đã có thẻ hộ nghèo, thẻ ưu tiên.

- Thời gian thu: Lớp 1 triển khai thu tháng 9; Lớp 2,3,4,5 triển khai thu trong tháng 10/2024.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

- Mức thu: 73.710 đồng/1 tháng/ học sinh

*(Mức đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở 2.340.000đ. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu bằng 30% mức đóng Bảo hiểm y tế)*

- Học sinh lớp 2,3,4,5: Mức phí :  $2.340.000đ \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} \times 70\% = 884.520 \text{ đồng}$ .

- Học sinh lớp 1, căn cứ thực tế số tháng tham gia (từ 12 - 15 tháng) có mức phí:

+ Học sinh sinh từ 01/01/2018 đến 01/10/2018: Thẻ sử dụng 15 tháng (Từ 01/10/2024 đến 31/12/2025): Mức phí:  $2.340.000đ \times 4,5\% \times 15 \text{ tháng} \times 70\% = 1.105.650 \text{ đồng}$

+ Học sinh sinh từ 02/10/2018 đến 01/11/2018: Thẻ sử dụng 14 tháng (Từ 01/11/2024 đến 31/12/2025): Mức phí:  $2.340.000đ \times 4,5\% \times 14 \text{ tháng} \times 70\% = 1.031.940 \text{ đồng}$ .

+ Học sinh sinh từ 02/11/2018 đến 01/12/2018: thẻ sử dụng 13 tháng (Từ 01/12/2024 đến 31/12/2025): Mức phí:  $2.340.000đ \times 4,5\% \times 13 \text{ tháng} \times 70\% = 958.230 \text{ đồng}$ .

+ Học sinh sinh từ 02/12/2018 đến 31/12/2018: Thẻ sử dụng 12 tháng (Từ 01/01/2024 đến 31/12/2025). Mức phí:  $2.340.000đ \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} \times 70\% = 884.520 \text{ đồng}$ .

\* *Kế hoạch chi:*

Mua thẻ BHYT cho học sinh tại Bảo hiểm xã hội Huyện Tiên Lãng.



## 2. Khoản thu quỹ “ Vòng tay bè bạn”

\* *Kế hoạch thu: Thực hiện theo Kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 của Huyện đoàn - Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc thực hiện xây dựng phong trào “Kế hoạch nhỏ” trong trường học giai đoạn 2023-2027). Nhà trường thực hiện thu như sau:*

- Mức thu vận động học sinh từ 10->15 kg giấy vụn quy đổi kinh phí bán giấy vụn tương đương 40.000 đồng/học sinh/năm học. Không vận động với học sinh có hoàn cảnh khó khăn ặt biệt khó khăn.

- Đối tượng thu: Là các em thiếu niên, nhi đồng trong trường.

- Thời gian vận động: Tháng 11 năm 2024 và tháng 2 năm 2025.

- Tổng số học sinh tham gia gây quỹ dự kiến: 686 em.

- Tổng kinh phí dự thu cả năm: (Dự kiến trung bình: 40.000 đồng/ năm học): 686 em x 40.000 đồng = 27.440.000 đồng

\* *Kế hoạch chi:*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Tỷ lệ	Số tiền
1	Nộp quỹ “ Vòng tay bè bạn” về Huyện đoàn	25%	6,860,000
2	Mua sắm trang thiết bị Đội	10%	2,744,000
3	Chi công tác đào tạo, tập huấn tổng phụ trách, cán bộ Đội, phụ trách sao nhi đồng, trang bị tài liệu phục vụ kỹ năng nghiệp vụ của Đội	5%	1,372,000
4	Chi các hoạt động, phong trào Đội (Đại hội chi đội, Đại hội Liên Đội, Liên hoan Cháu ngoan Bác Hồ, Chuyên đề...)	50%	13,720,000
5	Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thanh thiếu nhi	10%	2,744,000
<b>Tổng dự toán chi</b>		<b>100%</b>	<b>27,440,000</b>

## 3. Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính

\* *Kế hoạch thu: Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 10.000 đồng/HS/giờ (1 ngày không quá 03 giờ). Nhà trường thực hiện thu như sau:*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí quản lý tại trường sau giờ học trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.
- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.
- Mức thu: 7.000 đồng/HS/tiết/40 phút. (Thu thực tế số tiết học trong tháng)
- Tổng số học sinh đăng kí quản lý dự kiến là 690 em.
- Thực hiện miễn, giảm: Miễn 100%: 27 em; Giảm 50%: 6 em
- Kinh phí dự thu ( 18 tiết học trong tháng):

$(657 \text{ em} \times 7.000 \text{ đồng} + 6 \text{ em} \times 3.500 \text{ đồng}) \times 18 \text{ tiết} \times 9 \text{ tháng} =$   
748,440,000 đồng

\* Kế hoạch chi:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Phụ cấp chức vụ	Tỉ lệ chi	Số tiền
1	Chi GVCN và GV trực tiếp quản lý học sinh.		73%	546,361,200
2	Chi cho công tác quản lý, chỉ đạo; quản lý quỹ.		16.5%	123,492,600
-	Hiệu trưởng	0.4	13%	55,598,400
-	Phó Hiệu trưởng	0.3		41,698,800
-	Kế toán		2.5%	18,711,000
-	Thủ quỹ		1%	7,484,400
3	Chi bảo vệ, phục vụ		1.5%	11,226,600
-	Tổng phụ trách		0.5%	3,742,200
-	Thư viện, thiết bị		0.5%	3,742,200
-	Bảo vệ		0.5%	3,742,200
4	Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước.		2%	14,968,800
5	Sửa chữa cơ sở vật chất		7%	52,390,800
<b>Tổng cộng dự kiến chi</b>			<b>100%</b>	<b>748,440,000</b>

#### 4. Khoản thu học Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài

\* Kế hoạch thu: Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 35.000 đồng/tiết; tháng không quá 08 tiết). Nhà trường thực hiện thu như sau:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí học trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Mức thu: 35.000đ/ HS/ tiết; Dự kiến học 2 tiết/ tháng;

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

- Tổng số học sinh dự kiến tham gia: 502 em.

- Miễn giảm: Miễn 100%: 21 em; Giảm 50%: 17 em

- Tổng kinh phí dự thu cả năm học:

$(467 \text{ em} \times 35.000 + 17 \text{ em} \times 17.500) \times 2 \text{ tiết} \times 9 \text{ tháng} = 299,565,000 \text{ đồng}$

\* Kế hoạch chi:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Phụ cấp chức vụ	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Chi Trung tâm liên kết dạy		84%	251,634,600
2	Chi công tác quản lý BGH, GVCN, quản lý quỹ		13.0%	38,943,450
-	Hiệu trưởng	0.4	7.0%	11,982,600
-	Phó Hiệu trưởng	0.3		8,986,950
-	Giáo viên chủ nhiệm		4.0%	11,982,600
-	Kế toán		1.5%	4,493,475
-	Thủ quỹ		0.5%	1,497,825
3	Chi cơ sở vật chất		3%	8,986,950
<b>Tổng chi</b>			<b>100%</b>	<b>299,565,000</b>

#### 5. Khoản thu học kỹ năng sống

\* Kế hoạch thu: Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 10.000 đồng/HS/tiết. Nhà trường thực hiện thu như sau:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí học trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

- Mức thu: 10.000 đồng/ HS/ tiết. Dự kiến học 2 tiết/ tháng.

- Tổng số HS dự kiến tham gia là: 502 em.

- Miễn giảm: Miễn 100%: 21 em; Giảm 50%: 17 em

- Tổng kinh phí dự thu cả năm:

$(464 \text{ em} \times 10.000 + 17 \text{ em} \times 5.000 \text{ đồng}) \times 2 \text{ tiết} \times 9 \text{ tháng} = 85,050,000 \text{ đồng}$

\* Kế hoạch chi:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Phụ cấp chức vụ	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Chi Trung tâm liên kết dạy		84%	71,442,000
2	Chi công tác quản lý, quản lý quỹ		12.5%	10,631,250
-	Hiệu trưởng	0.4	10%	4,860,000
-	Phó Hiệu trưởng	0.3		3,645,000
-	Kế toán		1.75%	1,488,375
-	Thủ quỹ		0.75%	637,875
3	Chi cơ sở vật chất, nộp thuế		3.5%	2,976,750
<b>Tổng chi dự kiến</b>			<b>100%</b>	<b>85,050,000</b>

## 6. Khoản thu trông xe của học sinh

\* Kế hoạch thu: Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa đối với xe đạp 30.000 đồng/HS/tháng. Thực hiện thu tại nhà trường như sau:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí gửi xe trong nhà trường.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Mức thu gửi xe đạp: 20.000 đồng/ HS/ tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

- Số HS đăng kí gửi xe đạp: 105 em.
- Miễn giảm: Miễn 100% : 15 em.
- Số kinh phí dự thu: 90 em x 20.000 đồng x 9 tháng = 16.200.000 đồng

\* Kế hoạch chi

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Chi cho nhân viên bảo vệ trực tiếp trông xe:	70%	11,340,000
2	Chi sửa chữa CSVC phục vụ trông xe	20%	3,240,000
3	Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước	10%	1,620,000
<b>Tổng chi</b>			<b>16,200,000</b>

### 7. Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước)

\* Kế hoạch thu: Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 30.000 đồng/HS/tháng. Nhà trường thực hiện thu như sau:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí học 2 buổi/ngày.
- Thời gian thu: Thu theo tháng.
- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.
- Mức thu: 25.000 đồng/HS/tháng.
- Tổng số học sinh: 691 em.
- Thực hiện miễn, giảm: Miễn 100%: 26 em học sinh, Giảm 50%: 2 em
- Dự kiến số thu: (663 đồng em x 25.000 đồng + 2 em x 12.500 đồng ) x 9 tháng = 149.400.000 đồng.

\* Kế hoạch chi:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Hỗ trợ tiền điện	Tháng	9	6,100,000	54,900,000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Hỗ trợ tiền nước sạch	Tháng	9	1,200,000	10,800,000
3	Mua bột che nắng phòng học	Bộ	7	2,100,000	14,700,000
4	Mua ti vi lớp học	Bộ	1	16,000,000	16,000,000
6	Hỗ trợ bảo dưỡng phòng máy vi tính	Tháng	9	1,200,000	10,800,000
7	Sửa chữa cơ sở vật chất ( tivi, máy soi, bàn ghế, điện nước, ánh sáng phòng học....)				42,200,000
<b>Tổng dự kiến chi</b>					<b>149,400,000</b>

### 8. Tiền ăn.

\* Kế hoạch thu: Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 30.000 đồng. Nhà trường thực hiện thu như sau:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí ăn bán trú tại trường trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng và thu theo thực tế bữa ăn trong tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

- Mức thu: Gồm bữa chính, bữa phụ ( Đã bao gồm cả chất đốt)

+ Lớp 1;2: 26.000/1HS/1 ngày. Trong đó 1 bữa chính và 1 bữa phụ.

+ Lớp 3;4,5: 27.000/ 1 HS/ngày. Trong đó 1 bữa chính và 1 bữa phụ .

- Tổng số HS lớp 1; 2 đăng kí ăn bán trú: 132 em. Lớp 3;4;5 là: 269 em.

- Dự thu trong năm học ( dự kiến 01 tháng 18 bữa)

$(132 \times 26.000 \times + 269 \times 27.000) \times 18 \text{ bữa} \times 9 \text{ tháng} = 1,732,590,000 \text{ đồng.}$

\* Kế hoạch chi:

Chi trả 100% số tiền thu cho đơn vị cung cấp suất ăn theo hợp đồng số 004/2024/HĐDV/HP-THĐL ngày 03/9/2024 giữa nhà trường và công ty Hoa Phượng.

### 9. Hỗ trợ người nấu ăn; người chăm ăn, trông trưa; công tác quản lý

\* Kế hoạch thu: Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 150.000 đ/tháng. Nhà trường thực hiện thu như sau:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí ăn bán trú tại trường trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu theo tháng

- Mức thu: 6.250 đồng/ngày. Thu theo số ngày thực tế phát sinh trong tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

- Tổng số học sinh ăn bán trú dự kiến: 517 em.

- Số học sinh diện miễn giảm: 11 em

- Số học sinh dự thu: 506 em.

- Số kinh phí dự kiến thu trong năm học ( dự kiến 18 bữa/ tháng)

$$506 \text{ em} \times 6.250 \text{ đồng} \times 18 \text{ bữa} \times 9 \text{ tháng} = 512.325.000 \text{ đồng}$$

\* Kế hoạch chi

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Phụ cấp chức vụ	Tỉ lệ chi (%)	Số tiền
1	Chi cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.		70%	358,627,500
2	Chi công tác quản lý của giáo viên chủ nhiệm.		5%	25,616,250
3	Chi công tác quản lý, quản lý quỹ.		18.5%	94,780,125
-	Hiệu trưởng	0.4	14%	40,986,000
-	Phó Hiệu trưởng	0.3		30,739,500
-	Kế toán		3.5%	17,931,375
-	Thủ quỹ		1.0%	5,123,250
4	Chi giám sát giao, nhận thực phẩm		0.5%	2,561,625
5	Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước.		2%	10,246,500
6	Hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ chăm sóc bán trú		4%	20,493,000
<b>Tổng cộng dự chi</b>			<b>100%</b>	<b>512,325,000</b>

(Số tiền thu, chi cụ thể hàng tháng có thể tăng lên hoặc giảm xuống do số lượng học sinh ăn).



**10. Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)**

\* *Kế hoạch thu: Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 360.000 đồng đối với (trẻ) học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu và 200.000 đồng các năm học tiếp theo. Nhà trường thực hiện thu như sau:*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí ăn bán trú tại trường trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Thu tháng 10.2024.

- Số học sinh dự thu: Tuyển mới là: 132 em; học sinh đã ăn những năm trước là 269 em.

- Mức thu: Học sinh tuyển mới: 200.000 đồng/HS/năm; Học sinh đã ăn những năm trước: 100.000/HS/năm.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

- Kinh phí dự thu: 132 em x 200.000 đồng x 269 em x 100.000 đồng = 53.300.000 đồng

\* *Kế hoạch chi:*

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua chăn cho học sinh	Chiếc	20	315,000	6,300,000
2	Mua đệm cho học sinh	Chiếc	30	250,000	7,500,000
3	Mua cây lau nhà	Chiếc	28	125,000	3,500,000
4	Mua xô nhựa	Chiếc	14	50,000	700,000
5	Mua giường gấp	Chiếc	6	575,000	3,450,000
6	Mua cây phơi khăn mặt	Chiếc	8	820,000	6,560,000
7	Kẹp khăn mặt	Vi	28	35,000	980,000
8	Nước lau sàn phòng ăn, ngủ	Chai	126	32,000	4,032,000
9	Giấy ăn	Bịch	27	120,000	3,240,000
10	Xà phòng rửa tay	Bánh	135	14,000	1,890,000



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
11	Giặt vỏ gối, ga, chăn cho HS	Kỳ	2	7,574,000	15,148,000
<b>Tổng dự chi</b>					<b>53,300,000</b>

### 11. Nước uống cho học sinh

\* *Kế hoạch thu:* Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định tối đa 10.000 đồng/HS/tháng. Nhà trường thực hiện thu như sau:

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường có đăng ký sử dụng nước uống trong nhà trường.

- Thời gian thu: Tháng 11/2024 thu học kì I; Tháng 4/2025 thu tiền nước học kì II.

- Mức thu: 10.000 đồng/HS/tháng.

- Hình thức thu: Chuyên khoản qua liên kết ngân hàng.

- Tổng số học sinh : 691 em.

- Miễn giảm: 24 em.

- Tổng số dự thu cả năm:

$$667 \text{ em} \times 10.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 60.030.000 \text{ đồng}$$

\* *Kế hoạch chi:*

- Chi trả đơn vị cung cấp nước uống học sinh: 60.030.000 đồng.

### 12. Khoản thu đồng phục

\* *Kế hoạch thu:*

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường có đăng ký may đồng phục tại nhà trường

- Thời gian thu: Tháng 9 năm 2024

- Mức thu đối với khối 1: Áo sơ mi trắng ngắn tay: 88.000 đồng; Áo sơ mi trắng dài tay 90.000 đồng; Quần dài: 115.000 đồng; Chân váy nữ: 115.000 đồng

- Đăng kí may: Áo sơ mi trắng ngắn tay: 124 chiếc; Áo sơ mi trắng dài tay: 123 chiếc; Quần dài 191 chiếc; Chân váy nữ: 55 chiếc

- Tổng dự kiến thu: 124 chiếc x 88.000 đồng + 123 chiếc x 90.000 đồng + 191 chiếc x 115.000 đồng + 55 chiếc x 115.000 đồng = 50.272.000 đồng

\* *Kế hoạch chi:*

- Chi trả đơn vị cung cấp đồng phục học sinh: 50.272.000 đồng.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu: Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, báo cáo Hội đồng giáo dục xã, Chi bộ, công khai kế hoạch tài chính thu - chi để CBGV, NV, CMHS được biết và tham gia ý kiến; tổ chức kí biên bản thỏa thuận với cha mẹ học sinh các khoản thu để tổ chức dịch vụ giáo dục, các khoản thu hộ, chi hộ.

Triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thu, chi của giáo viên chủ nhiệm các lớp, của bộ phận kế toán tài vụ; duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính.

Chỉ đạo việc quyết toán thu, chi và công khai theo đúng quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Công văn số 551/SGDĐT ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công khai đối với các cơ sở giáo dục

2. Giáo viên chủ nhiệm các lớp: Có trách nhiệm có nhiệm vụ phối hợp với bộ phận tài vụ triển khai phần mềm thu không dùng tiền mặt, triển khai thu các khoản đóng góp, mua hộ học sinh theo đúng tính chất, mức thu, thời gian thu đến tất cả CMHS trong lớp. Không ép buộc phụ huynh đối với các khoản thu tự nguyện, không thu dồn các khoản vào đầu năm.

3. Ban đại diện cha mẹ học sinh: Có trách nhiệm phối hợp cùng nhà trường tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện các khoản thu, chi.

4. Bộ phận tài vụ: Có trách nhiệm triển khai áp dụng phần mềm thu không dùng tiền mặt; tổng hợp số liệu; lập hồ sơ theo quy định của Luật Kế toán; tham mưu cho Hiệu trưởng về các mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, các cá nhân, bộ phận kịp thời báo cáo hiệu trưởng để có hướng giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- PGD&ĐT, UBND xã ( để BC);
- Ban đại diện CMHS ( để GS) ;
- Các bộ phận ( để TH);
- Lưu VT.



**Vũ Thị Minh**